

MT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/NQ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 01 năm 2025

|                                  |
|----------------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |
| ĐẾN Ông:.....S.....              |
| Ngày: 13/01/2025                 |

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ  
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024  
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,  
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ  
Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển  
đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ  
Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 04/TTr-BKHCN-BTTTT ngày 02  
tháng 01 năm 2025 và công văn số 83/BKHCN-BTTTT-VP ngày 08 tháng 01  
năm 2025 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số  
57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển  
khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của  
Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của  
Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và  
chuyển đổi số quốc gia.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

100





CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ**  
**Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024**  
**của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,**  
**đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 03/NQ-CP*  
*ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)*

**I. MỤC TIÊU**

1. Tổ chức thể chế hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

**II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

**1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

a) Xây dựng, trình ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh

nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, có bộ tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

b) Xây dựng, ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức; quy định về trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện kế hoạch hành động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hằng năm.

c) Quy định về trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức.

d) Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo.

đ) Xây dựng nền tảng số, công cụ số để thực hiện đo lường trực tuyến mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số.

e) Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

g) Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình hành động của Chính phủ với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả thực hiện.

h) Làm rõ định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm về “mức độ tự chủ về công nghệ”, “năng lực cạnh tranh số”, “doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến”, “lực lượng sản xuất hiện đại” và các khái niệm khác trong Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện.

i) Phấn đấu bố trí tỷ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước, hướng tới tối thiểu đạt 25%.

k) Rà soát, sửa đổi quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung theo hướng bổ sung, điều chỉnh để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW.

l) Xây dựng, nâng cấp nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.

m) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

n) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

o) Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

p) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

**2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

a) Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện quy định pháp luật để bảo đảm hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

b) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia.

c) Xây dựng, ban hành quy định cải cách về cơ chế tài chính trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa hồ sơ, thủ tục quản lý sử dụng và thanh quyết toán đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển đổi số, giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; Có chính sách bảo hộ sở hữu trí tuệ gắn với cơ chế chia sẻ lợi ích từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng.

d) Xây dựng, công bố mức độ đánh giá hiệu quả tổng thể của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đổi mới doanh nghiệp.

đ) Sửa đổi quy định pháp luật để tháo gỡ điểm nghẽn trong hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng chấp nhận rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo. Sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo để: (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

e) Xây dựng quy định về việc thành lập và sử dụng các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số.

g) Bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội ban hành:

- Thí điểm có sự giám sát của nhà nước; cơ chế miễn trừ trách nhiệm trong việc thử nghiệm công nghệ số mới, mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển công nghệ số chiến lược, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp dữ liệu lớn, công nghiệp an toàn, an ninh mạng, công nghiệp Internet vạn vật (IoT).

- Rà soát, sửa đổi các quy định của pháp luật tạo điều kiện tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho việc đầu tư triển khai tuyến cáp quang biển quốc tế trong đó các doanh nghiệp Việt Nam là một thành viên hoặc làm chủ.

- Rà soát các quy định Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư để sửa đổi, bổ sung kịp thời đảm bảo có các quy định thuận lợi về thủ tục đấu thầu lựa chọn đối tác, lựa chọn doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển công nghệ mới, công nghệ chiến lược, dịch vụ số và hạ tầng số với các cơ chế ưu đãi vượt trội trong đảm bảo đầu tư, phương án chia sẻ doanh thu, lợi nhuận, chia sẻ rủi ro trong quá trình đầu tư và trọng hợp đồng đối tác công tư.

h) Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

i) Rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương để đảm bảo thống nhất,

nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

k) Nghiên cứu phương án giao Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý trực tiếp các cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

l) Sửa đổi các quy định về sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam theo hướng phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập.

m) Sửa đổi các quy định về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính.

n) Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi và đơn giản hóa thủ tục hành chính về đầu tư trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư.

o) Xây dựng, công bố danh mục các lĩnh vực, công nghệ chiến lược, các dự án trọng điểm, các khu vực có tiềm năng để thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

### **3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

a) Ban hành Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ sở pháp lý và đề án để hình thành Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược; Xây dựng cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược; Xây dựng cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch và bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược; Xây dựng đề án phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược; Xây dựng đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập; Rà soát, tổ chức quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

b) Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số. Thực hiện các chương trình, dự án thúc đẩy các lĩnh vực công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng tâm của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 05 dự án, chương trình trong lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, nhà máy thông minh, đô thị thông minh... được triển khai.

c) Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế đối với các hoạt động đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số.

d) Xây dựng, ban hành danh mục và triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng bảo đảm hoạt động thông nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

đ) Xây dựng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức.

e) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển kinh tế số, xã hội số.

g) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ; Công bố danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển các hạ tầng số mới cần thiết cho chuyển đổi số.

h) Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo phủ sóng toàn quốc.

i) Thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố trực thuộc Trung ương.

k) Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ các hoạt động thiết yếu của xã hội trên môi trường số.

l) Xây dựng ngành công nghiệp Internet vạn vật (IoT) và một số khu công nghiệp chuyên biệt phát triển IoT; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh; Thúc đẩy, phát triển một số ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghiệp Internet vạn vật (IoT) như sản xuất, thương mại, năng lượng, nông nghiệp, giao thông, y tế,...; Chuyển đổi số các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng Internet vạn vật (IoT) để trở thành khu công nghiệp, cụm công nghiệp thông minh.

m) Rà soát, bổ sung quy định công nghệ Trung tâm dữ liệu là một loại hình công nghệ cao; rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

n) Rà soát các ưu đãi để thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài đặt Trung tâm dữ liệu tại Việt Nam.

o) Sớm hoàn thành và phát huy hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia.

p) Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng, hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

q) Ban hành và thực thi đầy đủ các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực.

r) Hoàn thiện hành lang pháp lý đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực, địa phương, gắn với công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực bảo đảm theo hướng đi tắt, đón đầu.

s) Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với một số ngành, lĩnh vực quan trọng.

#### **4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**

a) Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; các chương trình, đề án phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực công nghiệp bán dẫn, nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

b) Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng tài năng STEM từ sớm, quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên, trường năng khiếu về khoa học tự nhiên.

c) Rà soát, sửa đổi, bổ sung Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030, đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới.

d) Rà soát, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn, quy trình công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư, tăng quyền chủ động cho các cơ sở giáo dục đại học và tạo thuận lợi cho thu hút, tuyển dụng giảng viên xuất sắc gắn với bổ nhiệm giáo sư, phó giáo sư.

đ) Rà soát, sửa đổi các quy định về chính sách cấp học bổng, miễn giảm học phí cho sinh viên, học viên các ngành STEM phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, những người tham gia các chương trình đào tạo kỹ sư an ninh mạng, vật liệu tiên tiến từ nguồn ngân sách nhà nước.

e) Triển khai các chương trình đào tạo kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tài năng trong các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật và công nghệ then chốt phục vụ phát triển công nghệ chiến lược; các chương trình đào tạo, đào tạo lại đội ngũ kỹ thuật viên, đào tạo nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao. Tập trung đầu tư xây dựng một số cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực công nghệ chiến lược khác.

g) Đổi mới chương trình đào tạo, đa dạng hóa phương thức tổ chức đào tạo các ngành STEM; xây dựng nền tảng giáo dục, đào tạo trực tuyến theo tiêu chuẩn quốc tế, phát triển mô hình giáo dục đại học số kết hợp ứng dụng các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, không gian ảo.

h) Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định về tín dụng ưu đãi đối với người học theo hướng mở rộng đối tượng và điều kiện vay, giảm lãi suất, tăng mức vay và thời hạn trả nợ, có ưu đãi đặc biệt đối với các ngành STEM.

i) Rà soát, sửa đổi quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng loại bỏ đối tượng áp dụng là các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục đại học tư thục không vì lợi nhuận; sửa đổi các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công theo hướng giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục đại học công lập.

k) Rà soát, sửa đổi các quy định về ưu đãi thuế và tín dụng cho các hoạt động đầu tư, tài trợ, hợp tác đào tạo và nghiên cứu của doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

l) Nghiên cứu, ban hành quy định áp dụng mức ưu đãi cao nhất cho các cơ sở giáo dục đại học công lập về tỉ lệ vay lại các dự án ODA và các dự án vốn vay ưu đãi khác hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

m) Đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế tài chính để khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực công nghệ số, tạo hành lang pháp lý rõ ràng cho các mô hình hợp tác công tư (PPP) trong đào tạo nhân lực công nghệ số, xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên (Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu).

n) Xây dựng, ban hành cơ chế đặc biệt về nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập, môi trường làm việc nhằm thu hút, trọng dụng, giữ chân các nhà khoa học đầu ngành, các chuyên gia, các "tổng công trình sư" trong và ngoài nước

có khả năng tổ chức, điều hành, chỉ huy, triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển công nghệ trí tuệ nhân tạo và đào tạo nguồn nhân lực.

o) Phát triển mạng lưới giảng viên, nhà khoa học và chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài, kết nối với mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học quốc tế theo các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.

p) Nghiên cứu, đề xuất cơ chế xác định nhu cầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược đáp ứng nhu cầu nhân lực thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực, địa phương.

q) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

r) Rà soát, xây dựng chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền.

**5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh**

a) Xây dựng, triển khai Chương trình phát triển Chính phủ số với các mục tiêu được lượng hóa cụ thể; giao trách nhiệm người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; định kỳ đo lường, công bố công khai kết quả; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dựa trên kết quả phát triển Chính phủ số.

b) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ để xây dựng các cơ sở khoa học nhằm trợ giúp việc ra quyết định trong hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

c) Phối hợp với các cơ quan Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị.

d) Xây dựng mô hình Trung tâm giám sát điều hành thông minh nhằm tăng cường quản lý công, nâng cao hiệu lực quản trị, hiệu quả điều hành của các cấp chính quyền; thực hiện chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước trực

tuyên, dựa trên dữ liệu; nâng cao tương tác giữa chính quyền và người dân giúp giảm quan liêu của bộ máy nhà nước; giám sát trực tuyến và toàn diện, kịp thời cảnh báo, phát hiện sớm để phòng chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

đ) Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính.

e) Chính quyền các cấp sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).

g) Phát triển và làm chủ công nghệ các nền tảng số trong nước đảm bảo an toàn, nhiều tiện ích cho người dân; phổ cập nhanh các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.

h) Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

i) Triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số.

k) Xây dựng văn hóa số cộng đồng, đồng thời giữ gìn bản sắc dân tộc, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam trên môi trường số; xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng.

l) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa để phát triển công nghiệp văn hoá. Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Thúc đẩy xây dựng các cơ sở dữ liệu về văn hoá, các di sản văn hóa số. Huy động, khuyến khích và xây dựng cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ tri thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

m) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

n) Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát và thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường; hệ thống thông tin địa lý; hệ thống giao thông thông minh.

o) Phát triển các ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường, hỗ trợ phân tích, cảnh báo về nguy cơ quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội.

p) Tăng cường giám sát ở quy mô quốc gia trên không gian mạng để kịp thời phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đầu tư, nâng cấp Trung tâm an ninh mạng quốc gia thuộc Bộ Công an đảm bảo việc kết nối, giám sát trên diện rộng

tại hệ thống thông tin trọng yếu, quan trọng về an ninh quốc gia của các ban, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, doanh nghiệp.

q) Hình thành và phát triển nền công nghiệp an toàn, an ninh mạng theo hướng tự chủ thông qua việc phát triển các sản phẩm dịch vụ an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trọng điểm và hình thành các doanh nghiệp lớn có tiềm lực đóng vai trò dẫn dắt thị trường và vươn ra thế giới.

r) Phát triển các hệ thống kỹ thuật quốc gia có năng lực giám sát các nội dung vi phạm pháp luật trên không gian mạng để chủ động phát hiện, ngăn chặn một cách kịp thời, hiệu quả

s) Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

t) Số hóa, thông minh hóa, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự, an ninh; làm chủ vũ khí công nghệ cao dựa trên công nghệ số; tăng cường ứng dụng công nghệ số, công nghệ quốc phòng mới trong các hệ thống chỉ huy, điều hành, quản lý lực lượng vũ trang; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật theo hướng tự động hóa, góp phần thực hiện chính quy hóa, hiện đại hóa quốc phòng, an ninh; chủ động phòng ngừa từ sớm, từ xa chiến tranh mạng và chiến tranh điện tử; xây dựng, phát huy sức mạnh thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

u) Xây dựng, triển khai các cơ chế, biện pháp, nền tảng số để ngăn chặn, đấu tranh hiệu quả đối với tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, tội phạm lợi dụng không gian mạng. Chú trọng xây dựng, củng cố các lực lượng nòng cốt về an toàn, an ninh mạng.

## **6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp**

a) Rà soát, xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

b) Tổ chức thực hiện các giải pháp để thúc đẩy việc chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); Xây dựng các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ trong nước đầu tư ra nước ngoài.

c) Xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước; Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.

d) Cập nhật, hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

đ) Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn. Xây dựng nền tảng số để đo lường trực tuyến và định kỳ đánh giá, công bố kết quả.

e) Xây dựng cơ chế giao nhiệm vụ, thuê khoán cho một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ chiến lược, đi đôi với nhiệm vụ triển khai phát triển hạ tầng số, các dự án chuyển đổi số quốc gia để hình thành các doanh nghiệp công nghệ số lớn, đủ năng lực cạnh tranh quốc tế.

g) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

h) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức, cá nhân có năng lực, thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước vươn ra toàn cầu; thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

i) Xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% – 3% doanh thu.

k) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số khai thác tốt thị trường chuyển đổi số trong nước, làm cơ sở vươn ra toàn cầu.

l) Xây dựng chính sách đủ mạnh khuyến khích tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cùng với chính sách hỗ trợ khởi nghiệp và thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước khởi nghiệp tại Việt Nam.

m) Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

n) Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.

o) Rà soát, xây dựng các chính sách đặc thù để thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư tại các khu công nghiệp công nghệ số.

p) Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

q) Khẩn trương xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...

## **7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế đa phương, song phương với các quốc gia, vùng lãnh thổ, các tập đoàn đa quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu hàng đầu thế giới về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Học tập kinh nghiệm quốc tế, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn và điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam; Đẩy mạnh ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ.

b) Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế. Có cơ chế xây dựng đội ngũ chuyên gia tham gia vào các vị trí lãnh đạo các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn của một số lĩnh vực liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược.

d) Tích cực tham gia, cử các nhà khoa học tham gia vào các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trên thế giới, đặc biệt là các tổ chức khoa học và công nghệ của Liên hợp quốc.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ trong tháng 01 năm 2025.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến

phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; bảo đảm an ninh, trật tự và tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ, định kỳ 6 tháng báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 01 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động, kịp thời báo cáo và kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động; bám sát các nội dung liên quan trong chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội để thực hiện việc báo cáo theo quy định.

5. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.



**Phụ lục I**  
**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ**

*Chương trình hành động tại Nghị quyết số 03 /NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)*

| TT       | Chỉ tiêu                                                                                                                                           | Đơn vị  | Kết quả                                                                                                     | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Đến năm 2030</b>                                                                                                                                |         |                                                                                                             |                                    |
| 1        | Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo                                                                                         | Thứ bậc | Đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 2        | Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp                                                                                    | Thứ bậc | Đạt mức trên trung bình của thế giới                                                                        | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 3        | Lĩnh vực khoa học, công nghệ                                                                                                                       | Thứ bậc | Một số lĩnh vực đạt trình độ quốc tế                                                                        | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 4        | Xếp hạng năng lực cạnh tranh số                                                                                                                    | Thứ bậc | $\leq 3$ Đông Nam Á;<br>$\leq 50$ Thế giới                                                                  | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 5        | Xếp hạng chỉ số phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số                                                                                         | Thứ bậc | $\leq 3$ Đông Nam Á;<br>$\leq 50$ Thế giới                                                                  | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 6        | Xếp hạng về nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo, trung tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực công nghiệp công nghệ số mà Việt Nam có lợi thế | Thứ bậc | $\leq 3$ Đông Nam Á                                                                                         | Bộ Thông tin và Truyền thông       |

| TT   | Chỉ tiêu                                                                                                              | Đơn vị       | Kết quả   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------|------------------------------------|
| 7    | Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến                                                             | Doanh nghiệp | $\geq 5$  | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 8    | Tỉ lệ đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế                                           | %            | $\geq 55$ | Bộ Kế hoạch và Đầu tư              |
| 9    | Tỉ trọng xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trên tổng giá trị hàng hoá xuất khẩu                                        | %            | $\geq 50$ | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 10   | Quy mô kinh tế số                                                                                                     | % GDP        | $\geq 30$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 11   | Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử |              |           |                                    |
| 11.1 | Tỉ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp                                                   | %            | $\geq 80$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 11.2 | Tỉ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện                     | %            | 90        | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.3 | Tỉ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính                                                             | %            | 100       | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.4 | Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử                                                               | %            | 100       | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.5 | Tỉ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công      | %            | 80        | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.6 | Tỉ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ                                                                      | %            | 80        | Văn phòng Chính phủ                |

| TT    | Chỉ tiêu                                                                                                                             | Đơn vị                            | Kết quả   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|------------------------------------|
|       | tục hành chính, dịch vụ công                                                                                                         |                                   |           |                                    |
| 11.7  | Tỉ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền  | %                                 | 70        | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.8  | Tỉ lệ cắt giảm hoặc tự động hóa thủ tục hành chính về cấp phép                                                                       | %                                 | $\geq 30$ | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.9  | Tỉ lệ cắt giảm thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện cấp phép                                          | %                                 | 50        | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.10 | Tỉ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước                          | %                                 | 100       | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.11 | Tỉ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử                         | %                                 | 100       | Văn phòng Chính phủ                |
| 11.12 | Tỉ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử                                     | %                                 | 100       | Văn phòng Chính phủ                |
| 12    | Tỉ lệ giao dịch không dùng tiền mặt                                                                                                  | %                                 | $\geq 80$ | Ngân hàng Nhà nước                 |
| 13    | Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo                                                                                     | %                                 | $\geq 40$ | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 14    | Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hoá, xã hội, con người Việt Nam duy trì | Chỉ số phát triển con người (HDI) | $> 0,7$   | Bộ Khoa học và Công nghệ           |

| TT | Chỉ tiêu                                                                                            | Đơn vị          | Kết quả                                                                                     | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
|    | chỉ số phát triển con người (HDI)                                                                   |                 |                                                                                             |                                    |
| 15 | Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)                                                        | % GDP           | 2                                                                                           | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 16 | Tỷ trọng kinh phí từ xã hội trên kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D)                       | %               | > 60                                                                                        | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 17 | Chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia | % tổng chi NSNN | $\geq 3\%$ và tăng dần theo yêu cầu phát triển                                              | Bộ Tài chính                       |
| 18 | Nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo                          | Người/vạn dân   | 12                                                                                          | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 19 | Tổ chức khoa học và công nghệ được xếp hạng khu vực và thế giới                                     | Tổ chức         | 40 - 50                                                                                     | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 20 | Số lượng công bố khoa học quốc tế tăng trung bình                                                   | %/năm           | 10                                                                                          | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 21 | Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình                             | %/năm           | 16 - 18                                                                                     | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 22 | Tỉ lệ đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế khai thác thương mại                           | %               | 8 - 10                                                                                      | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 23 | Hạ tầng số                                                                                          |                 | Tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến | Bộ Thông tin và Truyền thông       |

| TT   | Chỉ tiêu                                                                                                                                   | Đơn vị                     | Kết quả    | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá                        |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------|-----------------------------------------------------------|
| 23.1 | Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.                                                         | %                          | 100%       | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 23.2 | Số tuyến cáp quang biển mới đưa vào hoạt động                                                                                              | Tuyến cáp quang biển       | 09         | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 23.3 | Tổng dung lượng thiết kế cáp quang trên biển                                                                                               | Tbps                       | $\geq 350$ | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 23.4 | Phủ sóng 5G cho người dân                                                                                                                  | % dân số                   | 99         | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 24   | Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh, thành phố có đủ điều kiện                        | Thành phố, Tỉnh            | $\geq 6$   | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 25   | Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam                        | Tổ chức, doanh nghiệp      | $\geq 3$   | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                                     |
| 26   | Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị | %                          | 100%       | Bộ Thông tin và Truyền thông                              |
| 27   | Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành                                              | %                          | 100        | Bộ Công an                                                |
| 28   | Hình thành sản dữ liệu                                                                                                                     | Sản dữ liệu                | 5          | Bộ Công an                                                |
| 29   | Hình thành các Trung tâm dữ liệu quốc gia                                                                                                  | Trung tâm dữ liệu quốc gia | $\geq 03$  | Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành |
| 30   | Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao                                                                                                | %                          | $\geq 95$  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam                               |

| TT        | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị                   | Kết quả   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------|------------------------------------|
|           | dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác                                                                                                                                                                                                         |                          |           |                                    |
| 31        | Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân                                                                                                                                                                                         | %                        | $\geq 70$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 32        | Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử                                                                                                                                                                                                                  | %                        | $\geq 95$ | Bộ Y tế                            |
| 33        | Xếp hạng về an toàn thông tin mạng                                                                                                                                                                                                                         | Thứ bậc                  | $\leq 10$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 34        | Hoàn thành xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học công nghệ hàng đầu của ngành Công an ngang tầm các nước tiên tiến để trở thành Trung tâm nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất, từng bước làm chủ các công nghệ chiến lược ứng dụng trong công tác Công an | Cơ sở                    | 01        | Bộ Công an                         |
| 35        | Tỷ lệ Make in Vietnam trong tổng doanh thu công nghiệp số Việt Nam                                                                                                                                                                                         | %                        | 50        | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| <b>II</b> | <b>Đến năm 2045</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                          |           |                                    |
| 36        | Quy mô kinh tế số                                                                                                                                                                                                                                          | % GDP                    | $\geq 50$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 37        | Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu                                                                                                                                                                                                                           | Thứ bậc                  | $\leq 30$ | Bộ Khoa học và Công nghệ           |
| 38        | Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số                                                                                                                                                                                                                            | Số doanh nghiệp/1000 dân | 1         | Bộ Thông tin và Truyền thông       |
| 39        | Số doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến                                                                                                                                                                                                  | Doanh nghiệp             | $\geq 10$ | Bộ Thông tin và Truyền thông       |

| TT | Chỉ tiêu                                                                                                                                                                                   | Đơn vị                | Kết quả   | Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|------------------------------------|
| 40 | Thu hút thêm tổ chức, doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam.                                                                       | Tổ chức, doanh nghiệp | $\geq 5$  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư              |
| 41 | Làm chủ một số công nghệ chip và vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, rô bốt và tự động hóa, sinh học, hóa học, vật liệu tiên tiến, công nghệ bảo an ứng dụng trong đảm bảo an ninh quốc gia | %                     | 20% - 50% | Bộ Công an                         |



Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN  
NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22 THÁNG 12 NĂM 2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN  
KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA**

(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 03 /NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                                                      | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| I. | Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia |                                 |                                                                       |                                    |                      |
| 1. | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW theo hướng: đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.            | Bộ Thông tin và Truyền thông    | Ban Tuyên giáo Trung ương; các bộ, ngành, địa phương; VTV, VOV, TTXVN | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 6/2025               |
| 2. | Xây dựng chương trình chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên truyền hình, phát thanh và mạng xã hội.                                                                                                         | VTV, VOV, TTXVN, các địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông                | Chương trình                       | Thường xuyên         |
| 3. | Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ                          | Các bộ, ngành, địa phương       | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ            |                                    | Thường xuyên         |

| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì                                          | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                | Thời gian hoàn thành |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|----------------------|
|    | năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.                                                                                                                                                               |                                                          | Giáo dục và Đào tạo       |                                        |                      |
| 4. | Xây dựng văn bản quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức. | Bộ Thông tin và Truyền thông                             | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ     | 6/2025               |
| 5. | Xây dựng, ban hành Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.                                                         | Bộ Nội vụ                                                | Các bộ, ngành, địa phương | Đề án                                  | 6/2025               |
| 6. | Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị                                                                 | Các bộ, ngành, địa phương                                |                           | Kế hoạch công tác                      | Thường xuyên         |
| 7. | Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ                                                                                                                                                               | Các bộ, ngành, địa phương                                |                           | Kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương | 01/2025              |
| 8. | Xây dựng, ban hành văn bản làm rõ định nghĩa, nội hàm, lượng hóa các khái niệm mới trong Nghị quyết số 57-NQ/TW để thống nhất nhận thức và tổ chức triển khai, thực hiện.                                                       | Bộ Thông tin và Truyền thông<br>Bộ Khoa học và Công nghệ |                           | Văn bản hướng dẫn                      | 03/2025              |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan chủ trì                                          | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                                                           | Thời gian hoàn thành  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 9.  | Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ, ngành, địa phương                                    |                           | Có tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo | Nhiệm vụ thường xuyên |
| 10. | Xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) theo hướng quy định chính sách để phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vì lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, cộng đồng, của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị trong đó bao gồm vì mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW. | Bộ Nội vụ                                                | Các bộ, ngành, địa phương | Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật của Quốc hội                                          | 12/2025               |
| 11. | Xây dựng nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Thông tin và Truyền thông<br>Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, địa phương | Nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà                                            | 6/2025                |
| 12. | Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo,                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ, ngành, địa phương                                    | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của cấp có thẩm quyền                                                  | 12/2025               |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                                                 | Kết quả                     | Thời gian hoàn thành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|
|     | kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                          |                                                                                                  |                             |                      |
| 13. | Phát động phong trào thi đua trong toàn quốc để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất | Bộ Nội vụ                | Các bộ, ngành, địa phương                                                                        | Văn bản hướng dẫn thực hiện | 12/2025              |
| II. | <b>Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                          |                                                                                                  |                             |                      |
| 14. | Sửa đổi Luật Khoa học và Công nghệ (2013) và các luật có liên quan trong dự án xây dựng Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo để (i) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; (ii) Đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý nhà nước; (iii) Tập trung                                                                                                                                                                                    | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, | Luật của Quốc hội           | 2025                 |

| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                 | Kết quả | Thời gian hoàn thành |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------|---------|----------------------|
|    | <p>nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước, thu hút đầu tư ngoài ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các Luật có quy định cần được sửa đổi trong văn bản hợp nhất bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sửa đổi một số quy định trong Luật Viên chức; Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Doanh nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do viện nghiên cứu, trường đại học mà mình đang làm việc thành lập để thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đồng thời tăng cường bảo vệ và khai thác hiệu quả tài sản trí tuệ, đặc biệt là các sáng chế và công nghệ số.</li> <li>- Sửa đổi một số quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ; Bộ luật Hình sự; Luật Đầu tư công; Luật Đấu thầu; Luật Quản lý và sử dụng tài sản công; Luật Giá; Luật Đấu giá tài sản để điều chỉnh các quy định liên quan cho phù hợp với đặc thù và thông lệ quốc tế trong sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ;</li> <li>- Sửa đổi một số quy định trong Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam để có cơ chế, chính sách ưu đãi trong cấp thị thực nhập cảnh, cư trú cho chuyên gia, nhà khoa học;</li> </ul> |                 | Thanh tra Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương |         |                      |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì          | Cơ quan phối hợp                                                               | Kết quả              | Thời gian hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|     | - Sửa đổi một số quy định trong Luật Lao động để miễn giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài trong các lĩnh vực ưu tiên phát triển của Việt Nam.                                                                                                                                                                                                    |                          |                                                                                |                      |                      |
| 15. | Dự án Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương                                                    | Luật của Quốc hội    | 2025                 |
| 16. | Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương                                                    | Luật của Quốc hội    | Tháng 10/2025        |
| 17. | Hoàn thiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 9                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành và địa phương                                                    | Luật của Quốc hội    | Tháng 5/2025         |
| 18. | Sửa đổi một số quy định trong Luật Ngân sách nhà nước để có quy định riêng cho phù hợp với đặc thù và thông lệ quốc tế trong lập dự toán, quyết toán, tài trợ và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ                                                                                                                                    | Bộ Tài chính             | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                       | Luật của Quốc hội    | 2025                 |
| 19. | Rà soát để sửa đổi một số quy định trong Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực; thu hút cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghiên cứu | Bộ Tài chính             | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo | Đề xuất sửa đổi Luật | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                 | Thời gian hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|-------------------------|----------------------|
|     | chính sách không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập và hoạt động không vì lợi nhuận                                                                                                      |                              |                           |                         |                      |
| 20. | Sửa đổi Luật Tổ chức Chính phủ; Luật Tổ chức chính quyền địa phương để đảm bảo thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                                         | Bộ Nội vụ                    | Các bộ, ngành, địa phương | Luật của Quốc hội       | 2/2025               |
| 21. | Bổ sung các chính sách tháo gỡ điểm nghẽn và hoàn thiện Luật Công nghiệp công nghệ số trình Quốc hội ban hành.                                                                                                                                                  | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương | Luật của Quốc hội       | 6/2025               |
| 22. | Xây dựng Luật Nhà giáo trong đó sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học                                                                                                                                          | Bộ Giáo dục và Đào tạo       | Các bộ, ngành, địa phương | Luật của Quốc hội       | 2025                 |
| 23. | Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi pháp luật về cơ yếu và văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến cơ yếu để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, kết nối, phân tích, xử lý thông tin từ các trung tâm dữ liệu, phát triển điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo | Bộ Quốc phòng                | Các bộ, ngành, địa phương | Luật của Quốc hội       | 2025                 |
| 24. | Xây dựng Nghị quyết của Quốc hội quy định cơ chế đặc thù về đầu tư, đầu tư công, mua sắm công các sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2025-2030                                                                                  | Bộ Kế hoạch và Đầu tư        | Các bộ, ngành, địa phương | Nghị quyết của Quốc hội | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cơ quan chủ trì                                        | Cơ quan phối hợp           | Kết quả                 | Thời gian hoàn thành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------|
| 25. | Xây dựng Đề án cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước, hoàn thiện chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành có liên quan | Nghị quyết của Quốc hội | 12/2025              |
| 26. | <p>Xây dựng các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;</li> <li>- Nghị định quy định tự chủ đối với tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;</li> <li>- Nghị định quy định cơ chế đầu tư và tài chính đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</li> <li>- Nghị định quy định trình tự, thủ tục phê duyệt, triển khai các nhiệm vụ, dự án về khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.</li> <li>- Nghị định quy định việc sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở trong nước và nước ngoài hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam.</li> <li>- Nghị định quy định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các Giải thưởng về khoa học, công</li> </ul> | Bộ Khoa học và Công nghệ                               | Các bộ, ngành, địa phương  | Nghị định của Chính phủ | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cơ quan chủ trì                                        | Cơ quan phối hợp                     | Kết quả                  | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|----------------------|
|     | <p>nghệ và đổi mới sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định quy định về thông tin, thống kê khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</li> <li>- Nghị định quy định về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</li> <li>- Nghị định quy định đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sáng tạo.</li> <li>- Nghị định quy định về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.</li> <li>- Nghị định quy định về Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia</li> </ul> |                                                        |                                      |                          |                      |
| 27. | Xây dựng Nghị định quy định về việc thành lập, tổ chức hoạt động của các quỹ đầu tư mạo hiểm cho khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo công nghệ và chuyển đổi số                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính  | Nghị định của Chính phủ  | 2026                 |
| 28. | Xây dựng cơ chế, chính sách và thu hút nguồn lực phục vụ phát triển nguồn nhân lực cho đổi mới sáng tạo và một số lĩnh vực trọng tâm như bán dẫn, trí tuệ nhân tạo                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                                  | Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo | Chính sách được ban hành | 12/2025              |
| 29. | Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ Công an                                             | Các bộ, ngành có liên quan           | Nghị định của Chính phủ  | 7/2025               |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                  | Thời gian hoàn thành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------|
| 30. | Xây dựng cơ chế, chính sách cho phép doanh nghiệp nhà nước đánh giá tổng thể hiệu quả đầu tư nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp                                                                                                                                                                            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  | Các bộ, ngành liên quan   | Quyết định của Bộ trưởng | 2025                 |
| 31. | Xây dựng Nghị định quy định việc người nước ngoài vào làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam                                                                                                                                                               | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Nội vụ                 | Nghị định của Chính phủ  | 2027                 |
| 32. | Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học                                                                                                                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Khoa học và Công nghệ  | Nghị định của Chính phủ  | 2026                 |
| 33. | Xây dựng Nghị định quy định chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược.                                                                                                                                                                                      | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Các bộ, ngành, địa phương | Nghị định của Chính phủ  | 2025                 |
| 34. | Sửa đổi Nghị định số 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam trong đó nghiên cứu quy định phân cấp, giao quyền tự chủ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư  | Các bộ, ngành, địa phương | Nghị định của Chính phủ  | 2025                 |
| 35. | Sửa đổi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2018/NĐ-CP về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo hướng giảm tỉ lệ vay lại xuống mức thấp nhất, không yêu cầu bảo đảm tiền                                                                                                              | Bộ Tài chính           | Bộ Kế hoạch và Đầu tư     | Nghị định của Chính phủ  | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp            | Kết quả                                                                                        | Thời gian hoàn thành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|     | vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ tài chính.                                                                                                                                                                                                       |                              |                             |                                                                                                |                      |
| 36. | Xây dựng Quy định về cơ chế đặc biệt trong nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, giải mã các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.                                                                                                                                                    | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Bộ Tài chính; các bộ, ngành | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                                             | 2025                 |
| 37. | Rà soát các quy định pháp luật để tháo gỡ kịp thời các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                                                                                                                  | Các bộ, ngành                | Bộ Tư pháp, các bộ, ngành   | Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ phương án xây dựng, sửa đổi, bổ sung | 6/2025               |
| 38. | Xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật để đảm bảo hành lang pháp lý cho hoạt động của mọi ngành, lĩnh vực trên môi trường số                                                                                                                                                                          | Các bộ, ngành liên quan      | Các bộ, ngành liên quan     | Các văn bản pháp luật được ban hành                                                            | 9/2026               |
| 39. | Hoàn thiện định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện chiến lược dữ liệu Quốc gia | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành có liên quan  | Văn bản định mức, đơn giá                                                                      | Thường xuyên         |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì                                        | Cơ quan phối hợp             | Kết quả                                                           | Thời gian hoàn thành |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 40.  | Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; sớm có phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa | Các Bộ, ngành                                          | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các quy trình nội bộ của các Bộ, ngành, địa phương được ban hành. | 12/2025              |
| 41.  | Xây dựng Đề án nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất, mua sắm, hợp tác công tư các sản phẩm, dịch vụ có tính lưỡng dụng phục vụ công nghiệp an ninh; cơ chế đề tài nguyên dữ liệu phục vụ hiệu quả cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của quốc gia.                                                                                                     | Bộ Công an                                             |                              |                                                                   | 2025                 |
| 42.  | Đề án huy động hạ tầng viễn thông, hạ tầng số dùng chung phục vụ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.                                                                                                                                                                                                                                                                               | Bộ Công an                                             | Bộ Quốc phòng                |                                                                   |                      |
| III. | <b>Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                        |                              |                                                                   |                      |
| 43.  | Xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược bao gồm đề án Phát triển hệ thống các trung tâm nghiên cứu, thử nghiệm, các phòng thí nghiệm trọng điểm Quốc gia, tập trung cho công nghệ chiến lược                                                                                                                                                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương    | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì                                                                               | Cơ quan phối hợp                                                      | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 44. | Xây dựng Danh mục Công nghệ chiến lược                                                                                                                                | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông                                        | Các bộ, ngành                                                         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 45. | Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Quỹ đầu tư phát triển công nghiệp chiến lược                                                                            | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương                                                         | Các bộ, ngành                                                         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 46. | Phát triển mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.                           | Bộ Khoa học, Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các địa phương | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Ngoại giao | Mạng lưới kết nối                  | 2030                 |
| 47. | Đề án đầu tư năng lực cho các tổ chức nghiên cứu phát triển công lập.                                                                                                 | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                                      | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành                                  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025 - 2026          |
| 48. | Xây dựng các Đề án triển khai cơ chế thử nghiệm chính sách nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ chiến lược trong các ngành, lĩnh vực | Các bộ, ngành                                                                                 | Các bộ, ngành                                                         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                               | Cơ quan chủ trì                                                                 | Cơ quan phối hợp                                                               | Kết quả                                                     | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|----------------------|
| 49. | Bố trí ít nhất 15% ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược                                                                                                                                                          | Bộ Tài chính                                                                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương                            | Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | Hàng năm             |
| 50. | Ban hành cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách hợp tác công tư để nghiên cứu và phát triển hạ tầng số mới, dịch vụ số mới, dữ liệu; cơ chế, chính sách hợp tác công tư để đào tạo nhân lực công nghệ số. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                                                           | Bộ Khoa học và Công nghệ                                                       | Nghị quyết của Chính phủ                                    | 2025                 |
| 51. | Rà soát, ban hành mới và tổ chức triển khai hiệu quả các chiến lược đã ban hành về nghiên cứu, ứng dụng, khai thác không gian biển, không gian ngầm, không gian vũ trụ                                                                                                     | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và môi trường                           | Bộ Quốc phòng, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Các Báo cáo thực hiện   | Thường xuyên         |
| 52. | Tổ chức triển khai các chiến lược, chương trình, đề án phát triển hạ tầng năng lượng, đảm bảo an ninh năng lượng, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và các ngành công nghiệp chiến lược               | Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải | Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ ngành, địa phương                           | Các Báo cáo thực hiện                                       | Thường xuyên         |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                        | Kết quả                                                      | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
| 53. | Quản lý chặt chẽ, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là đất hiếm để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo                                      | Bộ Tài nguyên và Môi trường  | Các bộ ngành, địa phương                                | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                           | 2026                 |
| 54. | Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học, công nghệ                        | Bộ Khoa học và Công nghệ     | Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành, địa phương      | Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 55. | Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng                                                                                                              | Các bộ, ngành, địa phương    |                                                         | Báo cáo thực hiện                                            | Thường xuyên         |
| 56. | Rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số                                                                                               | Bộ Kế hoạch và Đầu tư,       | Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ, ngành, địa phương | Văn bản của cấp có thẩm quyền                                | 2025                 |
| 57. | Xây dựng danh mục, kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực, vùng                                                                                    | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương                               | Quyết định của Bộ trưởng                                     | 12/2025              |
| 58. | Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số | Các bộ, ngành, địa phương    | -                                                       | Hoàn thành các nền tảng số                                   | 12/2028              |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì                                                 | Cơ quan phối hợp                                       | Kết quả                                                      | Thời gian hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------|
| 59. | Xây dựng cơ chế cho phép sử dụng ngân sách nhà nước để đầu tư để xây dựng nền tảng số có quy mô quốc gia, vùng và được sử dụng chung cho nhiều cơ quan, tổ chức | Bộ Tài chính                                                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 12/2025              |
| 60. | Xây dựng Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số                                                                                                          | Bộ Thông tin và Truyền thông                                    | Các bộ, ngành, địa phương                              | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                           | 9/2025               |
| 61. | Xây dựng, ban hành danh mục các chương trình, nhiệm vụ, dự án về hợp tác công tư trong phát triển hạ tầng số                                                    | Bộ Thông tin và Truyền thông                                    | Các bộ, ngành                                          |                                                              | hàng năm             |
| 62. | Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số                                                                                                               | Bộ Thông tin và Truyền thông                                    | Các bộ, ngành, địa phương                              | Quyết định của Bộ                                            | 12/2025              |
| 63. | Xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố lớn thuộc trung ương để quản lý, phát triển                                                  | Địa phương được lựa chọn                                        | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                           | 12/2026              |
| 64. | Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh                                                                                                              | Các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh đủ điều kiện | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng              | Đề án được ban hành và hoàn thành triển khai                 | 12/2028              |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                         | Cơ quan chủ trì                   | Cơ quan phối hợp                                       | Kết quả                               | Thời gian hoàn thành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|
| 65. | Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh,... | Các bộ, ngành, địa phương         | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ    | 12/2025              |
| 66. | Xây dựng kế hoạch và triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu khu công nghiệp, cụm công nghiệp                                                                                       | Các địa phương                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Đề án được ban hành                   | 12/2025              |
| 67. | Sửa đổi bổ sung quy hoạch phát triển điện lực quốc gia để đảm bảo đáp ứng nguồn điện xanh – sạch, đảm bảo dự phòng cao cho các trung tâm dữ liệu.                                    | Bộ Công Thương                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ    | 9/2025               |
| 68. | Xây dựng chương trình phát triển năng lượng xanh đáp ứng nhu cầu Trung tâm dữ liệu quốc tế tại Việt Nam                                                                              | Bộ Công Thương                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Chương trình được ban hành            | 2025                 |
| 69. | Hoàn thành xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia và đưa vào khai thác, sử dụng, phục vụ chuyển đổi số quốc gia;                                                                        | Bộ Công an                        |                                                        | Trung tâm dữ liệu quốc gia            | 12/2025              |
| 70. | Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng 114 Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia                      | Các bộ, ngành là chủ quản CSDLQG, | Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông               | Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp                                              | Kết quả                                                                                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|     | để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ chuyển đổi số quốc gia                                                                                                                                                                                                                                                            | CSDL chuyên ngành         |                                                               | chuyên ngành được xây dựng, đưa vào khai thác, sử dụng                                             |                      |
| 71. | Hoàn thành và đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của bộ, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội                                                                                                                                                   | Các bộ, ngành, địa phương | -                                                             | Hoàn thành các CSDL quốc gia;<br>Các CSDL dùng chung của các bộ, ngành                             | 2026                 |
| 72. | Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                           | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Thông tin và Truyền thông                                  | Hoàn thành kết nối                                                                                 | 2025-2026            |
| 73. | Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tại văn bản số 1552/BTTTT-TTH và 708/BTTTT-CATTT; hoàn thành kết nối giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp bộ, cấp tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ | Các bộ, ngành, địa phương | Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ | Khắc phục lỗ hổng bảo mật, hệ thống đảm bảo an ninh an toàn để kết nối khai thác dữ liệu, cắt giảm | 06/2025              |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì                     | Cơ quan phối hợp             | Kết quả                                                                                                                                                       | Thời gian hoàn thành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|     |                                                                                                                              |                                     |                              | giấy tờ cho người dân, phục vụ công tác quản lý của Bộ chủ quản và không làm ảnh hưởng đến các Bộ khác có sử dụng thông tin, giấy tờ đó cũng sẽ được cắt giảm |                      |
| 74. | Ban hành, triển khai các chiến lược, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực                     | Các bộ, ngành                       | Bộ Thông tin và Truyền thông | Tiêu chuẩn, Quy chuẩn                                                                                                                                         | 2025                 |
| 75. | Tham mưu Chính phủ thành lập Ủy ban dữ liệu quốc gia                                                                         | Bộ Công an                          |                              | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                                                                                                            | 3/2025               |
| 76. | Bảo đảm nguồn lực phục vụ di chuyển hệ thống công nghệ thông tin từ các bộ, ngành, địa phương lên Trung tâm dữ liệu quốc gia | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính | Bộ Công an                   |                                                                                                                                                               | 2025 và những        |

| TT         | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì                                        | Cơ quan phối hợp                     | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                        |                                      |                                    | năm tiếp theo        |
| <b>IV.</b> | <b>Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>                                                                                                                                                     |                                                        |                                      |                                    |                      |
| 77.        | Xây dựng Đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050              | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 78.        | Rà soát, đảm bảo có chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại các cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù lĩnh vực, vùng, miền                                                                                      | Bộ Nội vụ                                              | Các bộ, ngành, địa phương            | Văn bản của cấp có thẩm quyền      | 2025                 |
| 79.        | Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo. | Bộ Khoa học và Công nghệ                               | Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì                                                                    | Cơ quan phối hợp                                              | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 80. | Xây dựng cơ chế để nhà khoa học trong các tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể thành lập, điều hành hoặc tham gia phát triển công nghệ tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước                 | Bộ Nội vụ                                                                          | Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành                       | Quy định pháp luật liên quan       | 2025                 |
| 81. | Đề án rà soát, sắp xếp hệ thống các viện nghiên cứu trong các cơ sở giáo dục đại học; cơ sở giáo dục đại học trong viện nghiên cứu; cơ chế đồng biên chế giữa viện nghiên cứu với cơ sở giáo dục đại học | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                             | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ                           | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 82. | Đề án phát triển các trường đại học trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.                                                                        | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                             | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 83. | Đề án đầu tư, nâng cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, cùng các cơ sở nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia.                   | Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ               | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 84. | Đề án chuyển các cơ sở giáo dục đại học đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực về Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý                                                                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                             | Bộ, ngành, địa phương                                         | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                    | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 85. | Xây dựng Nghị định quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (thay thế Nghị định số 87/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2023/NĐ-CP) | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Tài chính, bộ, ngành liên quan   | Nghị định của Chính phủ            | 2025                 |
| 86. | Xây dựng khung chiến lược giáo dục đại học                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ, ngành, địa phương               | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 87. | Sửa đổi hoặc ban hành thay thế Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư                 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và công nghệ | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 88. | Sửa đổi hoặc ban hành thay thế Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên                                                                                                                                    | Bộ Tài chính           | Bộ Giáo dục và Đào tạo              | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| V.  | <b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả</b>                                                                                                                                     |                        |                                     |                                    |                      |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                    | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
|     | <b>quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh</b>                                                                                                                                   |                              |                                                                                     |                                    |                      |
| 89. | Xây dựng Chương trình phát triển Chính phủ số                                                                                                                                                                                          | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương                                                           | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 9/2025               |
| 90. | Xây dựng quy định đảm bảo liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị                                                                                                                 | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các cơ quan Đảng, Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 9/2025               |
| 91. | Xây dựng, ban hành và triển khai Mô hình Trung tâm giám sát, điều hành thông minh                                                                                                                                                      | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương                                                           | Quyết định                         | 6/2025               |
| 92. | Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp; cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương                                                           | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 6/2025               |
| 93. | Xây dựng kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp tham gia phát triển các ứng dụng, dịch vụ số mới theo hình thức hợp tác công tư (PPP).                                                                                                           | Các bộ, ngành, địa phương    |                                                                                     | Kế hoạch                           | 2025                 |

| TT  | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                        | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 94. | Xây dựng Chương trình cắt giảm giấy phép tại các bộ, ngành, địa phương và chuyển một số nhiệm vụ, hoạt động cấp phép cho doanh nghiệp, tổ chức xã hội đảm nhiệm giai đoạn 2025-2030 | Văn phòng Chính phủ             | Các bộ, ngành, địa phương | Nghị quyết của Chính phủ           | 6/2025               |
| 95. | Xây dựng Nghị quyết về đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính                                              | Văn phòng Chính phủ             | Các bộ, ngành, địa phương | Nghị quyết của Chính phủ           | 6/2025               |
| 96. | Xây dựng kế hoạch để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số hình thành công dân số                                                               | Các bộ, ngành, địa phương       | Các bộ, ngành             | Quyết định ban hành Kế hoạch       | 2025                 |
| 97. | Lập Kế hoạch và triển khai giải pháp hỗ trợ, bảo vệ người dân trên không gian mạng ở mức cơ bản, tạo lập niềm tin số                                                                | Bộ Thông tin và Truyền thông    |                           | Kế hoạch                           | 2025                 |
| 98. | Xây dựng quy chế văn hóa số cộng đồng, quy tắc ứng xử trên không gian mạng                                                                                                          | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 99. | Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực Văn hóa                                                                                                                     | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                           | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                      | Cơ quan chủ trì                                         | Cơ quan phối hợp                             | Kết quả                                                              | Thời gian hoàn thành |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 100. | Xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường                                                              | Bộ Tài nguyên và Môi trường                             | Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương | Các hệ thống, nền tảng số được triển khai                            | 2026                 |
| 101. | Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông                                  | Bộ Giao thông vận tải                                   |                                              | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                   | 2025                 |
| 102. | Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường                             | Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương | Các ứng dụng, nền tảng số ứng dụng AI được xây dựng, phổ cập sử dụng | 12/2026              |
| 103. | Xây dựng, phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng                                                                | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an |                                              | Nền tảng số                                                          | 12/2025              |
| 104. | Xây dựng Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng                                            | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an |                                              | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                   | 2025                 |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì                                                                                                                           | Cơ quan phối hợp | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|----------------------|
| 105. | Xây dựng Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.                                                                                                                                                                                                                       | Bộ Thông tin và Truyền thông                                                                                                              |                  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2026                 |
| 106. | Xây dựng Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng                                                                                      | Bộ Công an                                                                                                                                |                  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 107. | Xây dựng Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ tự động hóa chỉ huy và hiện đại hóa quân đội                                                                                                                                                                    | Bộ Quốc phòng                                                                                                                             |                  | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 2025                 |
| 108. | Hoàn thành việc triển khai các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số, bảo đảm kết nối với Đề án 06, gồm <sup>1</sup> :<br>(1) Định danh tàu thuyền;<br>(2) Định danh địa điểm;<br>(3) Xây dựng sàn giao dịch việc làm quốc gia; Nền tảng hợp đồng lao động điện tử.<br>(4) Xây dựng sàn giao dịch bất động sản; | Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Nông |                  |                                    | 2025                 |

<sup>1</sup> Theo phân công chi tiết trong chương trình hành động thực hiện Đề án 06

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cơ quan chủ trì                                                                  | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                                                  | Thời gian hoàn thành |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|      | <p>(5) Ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, định danh và xác thực điện tử góp phần chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng;</p> <p>(6) Xây dựng sàn thương mại điện tử gắn với sản phẩm nông nghiệp và đặc sản vùng miền;</p> <p>(7) Phát triển nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo;</p> <p>(8) Phát triển kinh tế đêm;</p> <p>(9) Mô hình du lịch thông tin;</p> <p>(10) Đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 18 chống thất thu thuế, đảm bảo an ninh tiền tệ trên nền tảng thương mại điện tử;</p> <p>(11) Mô hình điểm tại các tỉnh, thành phố có đảo.</p> | <p>ng nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính</p> |                           |                                                                          |                      |
| 109. | Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Bộ Công an                                                                       | Các bộ, ngành, địa phương | Quản lý chặt chẽ trên môi trường thương mại điện tử, chống thất thu thuế | 2025                 |
| 110. | Xây dựng giải pháp, công cụ để giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bộ Y tế                                                                          |                           | Giải pháp, công cụ                                                       | 03/2025              |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                          | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                                                                      | Kết quả                                                                            | Thời gian hoàn thành |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|      | Kết quả xét nghiệm; đề cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin Số sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh                                         |                                 |                                                                                       |                                                                                    |                      |
| 111. | Triển khai Đề án chuyển đổi số của Bệnh viện Bạch Mai và Bệnh viện Chợ Rẫy, tỉnh Bắc Ninh, Bình Dương, An Giang, nhân rộng toàn quốc trong năm 2025                                   | Bộ Y tế                         | Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, Bộ Công an và các địa phương Bắc Ninh, Bình Dương, An Giang | Đề án                                                                              | 2025                 |
| 112. | Nghiên cứu, đề nghị các doanh nghiệp cung cấp chữ ký số công cộng có chế độ ưu đãi cấp chữ ký số cho các cơ sở y tế, cán bộ, nhân viên y tế và miễn phí cấp chữ ký số cho người bệnh. | Bộ Thông tin và Truyền thông    | Bộ Y tế                                                                               | Các cơ sở y tế và người bệnh có chữ ký số để tham gia các hoạt động khám chữa bệnh | 06/2025              |
| 113. | Xây dựng, phát triển Bộ chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trên hạ tầng của Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định.           | Văn phòng Chính phủ; Bộ Công an | Các bộ, ngành, địa phương                                                             | Bộ Chỉ số, Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành                            | 2025                 |

| TT         | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                                                        | Cơ quan phối hợp                                   | Kết quả                                     | Thời gian hoàn thành        |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------|
| 114.       | Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đăng ký thành lập doanh nghiệp, mua bán hóa đơn điện tử   | Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông | Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng nhà nước Việt Nam |                                             | 2025 và những năm tiếp theo |
| 115.       | Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai | Các tỉnh, thành phố trực thuộc TW                                      |                                                    |                                             | 2025 và những năm tiếp theo |
| 116.       | Đề án đột phá phát triển khoa học công nghệ, công nghiệp an ninh, làm chủ công nghệ chiến lược thực hiện hiện đại hóa lực lượng Công an nhân dân                            | Bộ Công an                                                             |                                                    | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ          | 2025                        |
| <b>VI.</b> | <b>Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp</b>                                                                 |                                                                        |                                                    |                                             |                             |
| 117.       | Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo về dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia                                                                                             | Bộ Công an                                                             | Bộ Khoa học và Công nghệ                           | Trung tâm đổi mới sáng tạo đi vào hoạt động | 2025                        |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                        | Cơ quan chủ trì                                                     | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                | Thời gian hoàn thành |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------|----------------------|
| 118. | Xây dựng tổ chức triển khai Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh                                                    | Bộ Thông tin và Truyền thông                                        | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ     | 2025                 |
| 119. | Xây dựng Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng | Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng | Bộ Kế hoạch và Đầu tư     | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ     | 2025                 |
| 120. | Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp                                                                                                                     | Bộ Thông tin và Truyền thông                                        | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định ban hành Bộ tiêu chí        | 9/2025               |
| 121. | Xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số                                       | Các bộ, ngành, địa phương                                           |                           | Chương trình được ban hành, triển khai | 3/2026               |
| 122. | Xây dựng, ban hành Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu                                                                                          | Bộ Thông tin và Truyền thông                                        | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ     | 9/2026               |
| 123. | Xây dựng bộ tiêu chí để xác định Doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến                                                                                             | Bộ Thông tin và Truyền thông                                        |                           | Quyết định của Thủ                     | Quý II/2025          |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                                            | Thời gian hoàn thành |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------|----------------------|
|      |                                                                                                                                                                                        |                              |                           | tướng Chính phủ                                                    |                      |
| 124. | Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết                 | Các bộ, ngành, địa phương    | -                         | Các bài toán được công bố trên Cổng TTĐT của bộ, ngành, địa phương | Hằng năm             |
| 125. | Xây dựng, cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số                                                          | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                 | 2025                 |
| 126. | Xây dựng, công bố danh mục các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện.                                              | Bộ Thông tin và Truyền thông | Các bộ, ngành, địa phương | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ                                 | 2025                 |
| 127. | Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số/khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 | Các bộ, ngành, địa phương    |                           | Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai                   | 2028                 |
| 128. | Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư cho chuyển đổi số quốc gia. Xây dựng công cụ đánh giá                                                                                    | Bộ Thông tin và Truyền thông |                           | Quyết định của Thủ                                                 | 2025                 |

| TT          | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì           | Cơ quan phối hợp          | Kết quả                                         | Thời gian hoàn thành |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|
|             | trực tuyến và định kỳ tổ chức đánh giá, công bố kết quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |                           | tướng Chính phủ                                 |                      |
| 129.        | Xây dựng chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.                                                                                                                 | Các bộ, ngành, địa phương | -                         | Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành | 9/2026               |
| 130.        | Xây dựng, ban hành chương trình đẩy mạnh sản xuất thông minh, chuyển đổi số trong các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, xây dựng, logistics, du lịch,...                                                                                                                                    | Các bộ, ngành             | -                         | Quyết định phê duyệt Chương trình được ban hành | 6/2025               |
| 131.        | Thường xuyên rà soát, xây dựng cơ chế thu hút doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt trụ sở, đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại Việt Nam theo nguyên tắc: sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực Việt Nam đang ưu tiên; có phát triển công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam; có đầu tư Trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam với tỷ lệ 1% – 3% doanh thu. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư     | Các bộ, ngành, địa phương |                                                 | Thường xuyên         |
| <b>VII.</b> | <b>Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |                           |                                                 |                      |
| 132.        | Xây dựng Đề án Việt Nam chủ động tham gia vào các tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế. Có cơ chế xây dựng đội ngũ chuyên gia tham gia vào các vị trí lãnh đạo các tổ                                                                                                                                                                                                | Bộ Khoa học và Công nghệ  |                           | Quyết định của Thủ                              | 2025                 |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                                              | Kết quả                              | Thời gian hoàn thành |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------|
|      | chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tham gia các Ban kỹ thuật tiêu chuẩn của một số lĩnh vực liên quan đến phát triển công nghệ chiến lược.                                                                                                                                           |                 |                                                                                               | tướng Chính phủ                      |                      |
| 133. | Xây dựng Chương trình/Kế hoạch triển khai ngoại giao công nghệ, thu hút các nguồn lực bên ngoài, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế, nâng cao tự chủ về công nghệ                                                                                                                | Bộ Ngoại giao   |                                                                                               | Chương trình/Kế hoạch được phê duyệt | 2025                 |
| 134. | Thiết lập các khuôn khổ đối tác về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành trọng tâm trong các khuôn khổ đối tác, các tập đoàn công nghệ hàng đầu, nhất là trong lĩnh vực then chốt, đột phá                                                           | Bộ Ngoại giao   | Các bộ, ngành, địa phương                                                                     | Đề án/thỏa thuận hợp tác             | Thường xuyên         |
| 135. | Thúc đẩy nghiên cứu, chia sẻ các mô hình, kinh nghiệm quốc tế về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (tháo gỡ thể chế, thu hút nguồn lực...)                                                                                                        | Bộ Ngoại giao   | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | Báo cáo Thủ tướng Chính phủ          | 2025                 |
| 136. | Xây dựng cơ sở dữ liệu về chuyên gia, trí thức Việt Nam ở nước ngoài, tiếp cận, phát huy, kết nối hiệu quả và phát triển mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước. Cùng cố, phát triển các hội đoàn chuyên gia, trí thức, doanh nhân người Việt Nam ở nước ngoài | Bộ Ngoại giao   | Các bộ, ngành, địa phương liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài               | Cơ sở dữ liệu                        | Thường xuyên         |

| TT   | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì                                        | Cơ quan phối hợp                                                                              | Kết quả                            | Thời gian hoàn thành |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|
| 137. | Xây dựng quy định về lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số, chuyển đổi số tại các doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng, hợp tác chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước                                                             | Bộ Thông tin và Truyền thông                           | Các bộ, ngành, địa phương                                                                     | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 12/2026              |
| 138. | Lập các cơ sở nghiên cứu chính sách về công nghệ số và chuyển giao những thành tựu công nghệ số hiện đại từ nước ngoài vào trong nước.                                                                                                                                                   | Tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ số                    | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông                                        | Ít nhất 10 cơ sở được thành lập    | 2030                 |
| 139. | Xây dựng và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu quốc gia về đổi mới sáng tạo                                                                                                                                                                                                                   | Bộ Khoa học và Công nghệ                               | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | Chương trình                       | Thường xuyên         |
| 140. | Tích cực, chủ động tham gia định hình các khuôn khổ, quy tắc, quản trị về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các cơ chế hợp tác đa phương; nghiên cứu khả năng tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông |                                                                                               | Các hoạt động hợp tác              | Thường xuyên         |